



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Thành viên (từ ngày 25/4/2022)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 25/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/9/2022)
Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/9/2022)
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trích lập quỹ lương dự phòng

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trong số dự phải trả người lao động có 15 tỷ VND là khoản Tổng Công ty trích dự phòng tiền lương trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trả cho người lao động cho kỳ sau. Việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“VAS 18”), do Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo tương ứng với số tiền này. Vì vậy, tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, trên bảng cân đối kế toán riêng, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đang bị ghi nhận thiếu 3 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 12 tỷ VND. Vấn đề này đã khiến chúng tôi đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tiền lương trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót (“VAS 29”).

Nếu Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hoàn nhập trích lập dự phòng này một cách phù hợp theo quy định của VAS 29, thì:

- Phải trả người lao động và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ giảm lần lượt là 15 tỷ VND và 3 tỷ VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng 12 tỷ VND;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ tăng 15 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm cùng số tiền tương ứng;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm 3 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng cùng số tiền tương ứng; và
- Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm 12 tỷ VND và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ tăng cùng số tiền tương ứng.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00157-23-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		558.310.863.574	457.467.088.338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.797.104.002	38.235.752.829
Tiền	111	4	5.797.104.002	38.235.752.829
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.000.000.000	16.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	21.000.000.000	16.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.939.776.214	191.631.702.333
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	209.954.428.742	191.419.391.351
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.442.971.612	5.821.587.527
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	7.630.249.913	3.609.579.315
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(12.087.874.053)	(12.218.855.860)
Hàng tồn kho	140	9	323.048.305.925	208.923.022.047
Hàng tồn kho	141		357.498.509.558	209.489.183.760
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.450.203.633)	(566.161.713)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.525.677.433	2.676.611.129
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	1.463.410.153	2.676.611.129
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	62.267.280	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		627.834.537.782	645.100.967.858
Các khoản phải thu dài hạn	210		501.764.248	695.980.960
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	3.701.764.248	3.895.980.960
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		511.672.286.532	550.757.468.215
Tài sản cố định hữu hình	221	10	506.676.662.489	543.120.990.048
Nguyên giá	222		1.018.662.995.799	1.009.421.826.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(511.986.333.310)	(466.300.836.751)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	4.806.624.043	7.384.478.167
Nguyên giá	225		14.580.151.169	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.773.527.126)	(7.195.673.002)
Tài sản cố định vô hình	227		189.000.000	252.000.000
Nguyên giá	228		660.000.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(471.000.000)	(408.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	12	5.052.286.589	5.573.962.839
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.326.653.220)	(6.804.976.970)
Tài sản dở dang dài hạn	240		36.266.360.950	18.480.307.484
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	36.266.360.950	18.480.307.484
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.883.209.426	64.883.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	4.200.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.458.630.037	4.710.038.934
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	9.458.630.037	4.710.038.934
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.186.145.401.356	1.102.568.056.196

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		924.528.283.732	832.245.877.378
Nợ ngắn hạn	310		599.709.394.879	469.550.354.830
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	137.138.066.878	176.936.273.879
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.692.556.718	3.268.756.597
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.512.851.410	2.046.616.407
Phải trả người lao động	314		7.574.003.835	32.329.038.022
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.606.629.152	2.523.629.198
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	612.811.831
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	7.362.664.051	1.456.513.448
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	441.417.515.003	249.720.260.955
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	405.107.832	656.454.493
Nợ dài hạn	330		324.818.888.853	362.695.522.548
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	1.831.923.822	3.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	322.986.965.031	358.863.598.726
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		261.617.117.624	270.322.178.818
Vốn chủ sở hữu	410	21	261.617.117.624	270.322.178.818
Vốn cổ phần	411	22	156.399.760.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	92.139.112.037	64.017.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.078.245.587	70.305.111.302
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		12.874.153.441	898.843.590
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		204.092.146	69.406.267.712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.186.145.401.356	1.102.568.056.196

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Wu Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.167.721.387.006	1.311.564.073.516
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.120.361.083.085	1.144.780.074.273
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.360.303.921	166.783.999.243
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	57.405.376.207	25.399.127.452
Chi phí tài chính	22	29	80.540.723.850	46.169.317.088
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.452.964.285	37.734.335.902
Chi phí bán hàng	25	30	16.472.617.350	17.049.412.925
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	7.244.810.442	48.222.551.517
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		507.528.486	80.741.845.165
Thu nhập khác	31		637.320.643	1.484.674.244
Chi phí khác	32		940.756.983	39.782.617
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(303.436.340)	1.444.891.627
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		204.092.146	82.186.736.792
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	12.780.469.080
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		204.092.146	69.406.267.712

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		204.092.146	82.186.736.792
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		59.229.951.928	59.547.483.440
Các khoản dự phòng	03		33.753.060.113	2.824.244.855
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(22.581.098.966)	1.138.139.190
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(13.239.224.010)	(3.775.220.861)
Chi phí lãi vay	06		35.452.964.285	37.734.335.902
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.819.745.496	179.655.719.318
Biến động các khoản phải thu	09		(18.227.401.834)	14.994.088.993
Biến động hàng tồn kho	10		(148.009.325.798)	(80.630.602.587)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(69.118.778.813)	137.510.598.190
Biến động chi phí trả trước	12		(3.535.390.127)	1.441.392.332
			(146.071.151.076)	252.971.196.246
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.809.362.655)	(39.557.001.525)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.066.844.922)	(11.726.615.346)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.360.500.001)	(624.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(182.307.858.654)	201.063.179.375
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(34.006.158.036)	(18.220.948.795)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		154.629.630	393.363.636
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(5.000.000.000)	(15.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		3.000.000.000	8.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.946.141.453	9.143.565.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.905.386.953)	(16.184.019.276)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.103.977.286.540	918.449.639.696
Tiền trả nợ gốc vay	34		(922.699.945.093)	(1.080.322.347.637)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.170.763.223)	(2.119.301.586)
Tiền trả cổ tức	36		(2.480.586.000)	(183.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		176.625.992.224	(164.175.039.527)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(32.587.253.383)	20.704.120.572
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		38.235.752.829	16.548.630.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		148.604.556	983.001.929
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	5.797.104.002	38.235.752.829

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Đinh Thị Thu Hương
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm 2021, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết, được liệt kê tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 1.031 nhân viên (1/1/2022: 1.069 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 6 – 50 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 8 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 6 – 50 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.998.380.477	694.179.272
Tiền gửi ngân hàng	3.798.723.525	37.541.573.557
	<hr/>	<hr/>
	5.797.104.002	38.235.752.829
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.000.000.000	21.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
<hr/>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)	4.200.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,4%/năm (1/1/2022: từ 4,8% đến 6,4%/năm).
- (ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 7,2%/năm (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%/năm).



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022			1/1/2022				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)
			<u>17.518.479.633</u>				<u>17.518.479.633</u>	
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)
			<u>41.816.174.793</u>				<u>41.816.174.793</u>	
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.219.260.250	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.812.445.700
			<u>60.683.209.426</u>				<u>60.683.209.426</u>	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	17.758.160.017	3.620.564.093
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	1.839.725.798	2.688.443.098
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	119.819.466	108.099.090
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	84.383.749.597	103.442.463.756
Công ty CP May 1 - Dệt Nam Định	301.588.423	-
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	46.079.800.144	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	1.852.181.793	3.157.017.578
Công ty TNHH Đức Hiếu	9.052.076.959	-
China Ctexic Corporation	-	7.413.155.856
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	8.983.499.940
Các khách hàng khác	48.567.326.545	62.006.147.940
	209.954.428.742	191.419.391.351

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 7,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (i)	2.448.642.181	2.448.642.181
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	2.057.276.343	690.902.556
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	420.868.000
Cổ tức phải thu các công ty con và các công ty liên kết	2.616.550.000	-
Phải thu khác	86.913.389	49.166.578
	7.630.249.913	3.609.579.315

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	1.091.154.505	520.975.945
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	471.194.186	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	564.017.652	169.926.611
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.827.460.000	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	396.000.000	-
Công ty CP May I Dệt May Nam Định	324.000.000	-
	4.673.826.343	690.902.556

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	501.764.248	695.980.960
	3.701.764.248	3.895.980.960

- (*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2022			1/1/2022			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vinh	Trên 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-	Từ 2 năm đến 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	374.783.752	(107.008.301)	267.775.451	Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	384.035.694	(201.062.555)	182.973.139	Từ 1 năm đến 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.633.101.652	(4.633.101.652)	-	Trên 3 năm	4.620.915.939	(4.620.915.939)	-
		15.738.622.643	(15.287.874.053)	450.748.590		15.956.603.306	(15.418.855.860)	537.747.446

Trong đó:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

(12.087.874.053)

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(3.200.000.000)

(15.287.874.053)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	34.504.747.200	(1.400.278.455)	53.550.393.750	-
Nguyên vật liệu	82.784.242.919	(3.359.566.472)	117.202.409.983	-
Công cụ và dụng cụ	140.686.295	-	130.681.174	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.116.086.154	(410.533.003)	10.620.349.806	-
Thành phẩm	200.191.645.576	(29.033.139.035)	20.111.594.585	(501.082.333)
Hàng hóa	24.244.948.045	(246.686.668)	2.192.362.394	(65.079.380)
Hàng gửi bán	5.516.153.369	-	5.681.392.068	-
	357.498.509.558	(34.450.203.633)	209.489.183.760	(566.161.713)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	300.609.468.762	665.156.154.479	40.718.304.698	2.937.898.860	1.009.421.826.799
Mua mới trong năm	-	479.871.217	-	-	479.871.217
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	13.714.082.135	4.032.225.071	1.875.012.645	-	19.621.319.851
Thanh lý	(422.670.405)	(10.437.351.663)	-	-	(10.860.022.068)
Số dư cuối năm	313.900.880.492	659.230.899.104	42.593.317.343	2.937.898.860	1.018.662.995.799
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	100.998.006.964	342.806.419.029	20.696.902.438	1.799.508.320	466.300.836.751
Khấu hao trong năm	15.652.870.536	36.255.718.632	3.974.468.070	184.364.316	56.067.421.554
Thanh lý	(195.005.148)	(10.186.919.847)	-	-	(10.381.924.995)
Số dư cuối năm	116.455.872.352	368.875.217.814	24.671.370.508	1.983.872.636	511.986.333.310
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	199.611.461.798	322.349.735.450	20.021.402.260	1.138.390.540	543.120.990.048
Số dư cuối năm	197.445.008.140	290.355.681.290	17.921.946.835	954.026.224	506.676.662.489

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 209.989 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 189.293 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 440.195 triệu VND (1/1/2022: 487.935 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.195.673.002
Khấu hao trong năm	2.577.854.124
Số dư cuối năm	9.773.527.126
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	7.384.478.167
Số dư cuối năm	4.806.624.043

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 4.807 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.804.976.970
Khấu hao trong năm	521.676.250
Số dư cuối năm	7.326.653.220
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.573.962.839
Số dư cuối năm	5.052.286.589

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	18.480.307.484	18.461.496.771
Tăng trong năm	40.999.312.178	17.225.911.272
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(19.621.319.851)	(14.390.962.597)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14(b))	(3.343.662.774)	(2.028.428.323)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(198.819.000)	(66.500.000)
Chuyển sang chi phí	(49.457.087)	(721.209.639)
Số dư cuối năm	36.266.360.950	18.480.307.484

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.566	12.944.252.512
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	14.245.941.965	114.506.019
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy May 2	3.746.417.088	408.181.818
Các công trình khác	420.400.196	-
Tổng cộng	36.266.360.950	18.480.307.484

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá muộn nhất vào năm 2024. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Tổng công ty đang xin ý kiến Công ty mẹ về phương án di dời trong năm 2023 và 2024.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại xã Yên Bình, huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Ủy ban Nhân dân huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	845.274.113	50.424.503
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	618.136.040	2.626.186.626
	<hr/>	<hr/>
	1.463.410.153	2.676.611.129
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	4.710.038.934
Tăng trong năm	6.220.446.992
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	3.343.662.774
Phân bổ trong năm	(4.815.518.663)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.458.630.037
	<hr/>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	647.219.254	1.306.635.543
Bên khác		
Ecom USA LLC	-	14.063.622.108
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	6.080.218.927	-
Devcot S.A	1.167.329	10.862.653.682
Louis Dreyfus Company Suisse S.A	333.828	16.012.073.130
Viterra B.V.	-	23.567.057.313
Olam International Limited	34.160.664.384	27.286.383.189
Allenberg Cotton Co., A Division Of Louis Dreyfus Company Cotton LLC	14.372.978.796	-
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	11.150.018.845	-
Afcom Trading DMCC	-	22.270.931.250
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	4.676.424.000	-
Ecom Commodities Pty. Ltd	-	15.631.727.990
Các nhà cung cấp khác	66.049.041.515	45.935.189.674
	137.138.066.878	176.936.273.879

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.025.540.578	26.509.004.732	(25.061.446.327)	2.473.098.983
Thuế nhập khẩu	-	394.701.082	(394.701.082)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.004.577.642	-	(1.066.844.922)	(62.267.280)
Thuế thu nhập cá nhân	5.372.254	284.580.823	(264.188.682)	25.764.395
Thuế tài nguyên	11.125.933	304.158.608	(301.296.509)	13.988.032
Tiền thuê đất	-	7.253.557.989	(7.253.557.989)	-
Các loại thuế khác	-	41.865.996	(41.865.996)	-
	2.046.616.407	34.787.869.230	(34.383.901.507)	2.450.584.130
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(62.267.280)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.046.616.407			2.512.851.410

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	1.278.596.863	1.105.384.169
Chi phí điện, nước phải trả	187.037.037	1.126.826.847
Chi phí khác	140.995.252	291.418.182
	1.606.629.152	2.523.629.198

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	349.892.611	322.416.203
Cổ tức phải trả	5.205.720.250	886.306.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1.746.871.190	189.610.995
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	60.180.000	58.180.000
	7.362.664.051	1.456.513.448

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	1.712.500.000	3.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	1.831.923.822	3.831.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (Công ty liên kết) theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 01-2011/TT ngày 03/10/2011. Theo Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 22/04/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt giá trị còn lại tài sản trên đất, tổng giá trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định phải đền bù cho Tổng Công ty tương ứng với giá trị còn lại của tài sản là 100.206.557.827 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ/-ĐHDCĐ ngày 26/07/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, tổng số tiền chi hỗ trợ cho Tổng Công ty trong năm 2022 là 2 tỷ VND. Công ty đang ghi nhận là khoản doanh thu tài chính khác (Thuyết minh 28).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay và nợ thuê tài chính	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
Vay ngắn hạn	234.956.549.846	1.104.759.998.759	(904.786.405.616)	(14.088.170.687)	420.841.972.302
Vay dài hạn đến hạn trả	12.634.645.717	18.516.302.913	(12.707.333.779)	-	18.443.614.851
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.129.065.392	2.173.625.681	(2.170.763.223)	-	2.131.927.850
	249.720.260.955	1.125.449.927.353	(919.664.502.618)	(14.088.170.687)	441.417.515.003

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 3,5%	91.259.996.414	58.207.279.206
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	68.472.205.898	2.600.000.000
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	20.879.043.261	15.177.228.596
Vay ngân hàng 4	VND	6,4%	55.834.358.545	-
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	29.649.158.942	44.936.382.390
Vay ngân hàng 6	USD	3,8% - 4%	51.231.156.719	-
Vay ngân hàng 7	USD	3,4%	30.773.431.194	54.609.565.783
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	45.488.477.945	45.349.137.660
Vay ngân hàng 9	VND	12,4%	14.939.405.430	-
Vay cá nhân	VND	2,4% - 6,9%	12.314.737.954	14.076.956.211
			420.841.972.302	234.956.549.846

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại là 57.208 triệu VND (1/1/2022: 62.327 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	339.959.902.660	367.964.580.174
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	3.602.605.072	5.662.729.661
	343.562.507.732	373.627.309.835
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(20.575.542.701)	(14.763.711.109)
	322.986.965.031	358.863.598.726

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	131.633.950.652	130.393.830.448
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2022	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	78.647.168.873	90.651.531.608
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	41.301.125.713	53.950.138.307
Vay từ ngân hàng 10 (****)	USD	5,2%	2024	4.928.268.814	9.519.691.203
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				339.959.902.660	367.964.580.174

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 123.764 triệu VND (1/1/2022: 121.136 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 221.465 triệu VND (1/1/2022: 261.707 triệu VND).

(****) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37.758 triệu VND (1/1/2022: 42.765 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	2.331.359.013	199.431.163	2.406.368.441	284.465.401
Trong vòng hai đến năm năm	1.529.504.311	58.827.089	3.712.796.345	171.969.724
	3.860.863.324	258.258.252	6.119.164.786	456.435.125
				5.662.729.661

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong nợ thuế tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 107.790 USD (1/1/2022: 154.352 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại là 4.807 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 7.384 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	656.454.493	1.280.854.493
Trích lập trong năm	2.109.153.340	-
Sử dụng trong năm	(2.360.500.001)	(624.400.000)
Số dư cuối năm	<u>405.107.832</u>	<u>656.454.493</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	136.000.000.000	64.017.067.516	898.843.590	200.915.911.106
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	69.406.267.712	69.406.267.712
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	136.000.000.000	64.017.067.516	70.305.111.302	270.322.178.818
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	204.092.146	204.092.146
Phân bổ vào các quỹ	-	28.122.044.521	(28.122.044.521)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.109.153.340)	(2.109.153.340)
Cổ tức trả bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23)	20.399.760.000	-	(20.399.760.000)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	156.399.760.000	92.139.112.037	13.078.245.587	261.617.117.624

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2022		1/1/2022	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND	Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000	7.299.700	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	5,29	826.850	8.268.500.000	719.000	7.190.000.000
Các cổ đông khác	41,04	6.418.471	64.184.710.000	5.581.300	55.813.000.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000	13.600.000	136.000.000.000

23. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% bao gồm 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng).

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 10 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức vào ngày 25 tháng 8 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	49.103.866.167	51.055.013.167
	58.859.601.167	60.810.748.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	55.607	1.301.704.429	626.615	14.169.212.565
EUR	450	10.955.084	450	11.281.457
		1.312.659.513		14.180.494.022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Bán hàng	1.012.771.854.542	1.162.237.762.860
Cung cấp dịch vụ	38.668.041.437	40.944.195.932
Dịch vụ gia công	106.829.811.425	99.057.782.522
Cho thuê bất động sản đầu tư	9.451.679.602	9.324.332.202
	<hr/> 1.167.721.387.006	<hr/> 1.311.564.073.516

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	947.489.464.633	1.011.652.103.047
Dịch vụ đã cung ứng	28.453.610.173	26.304.434.269
Dịch vụ gia công	105.866.443.916	102.488.273.552
Bất động sản đầu tư cho thuê	4.667.522.443	5.005.558.465
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.884.041.920	(670.295.060)
	<hr/> 1.120.361.083.085	<hr/> 1.144.780.074.273

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	892.957.049	634.049.463
Lãi do người mua chậm trả	2.250.309.412	3.934.706.722
Cổ tức được chia	10.393.615.000	-
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	2.000.000.000	2.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.581.098.966	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.011.276.376	17.988.195.815
Lãi trái phiếu	276.119.404	342.175.452
	<hr/> 57.405.376.207	<hr/> 25.399.127.452

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.452.964.285	37.734.335.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.087.759.565	7.296.841.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.138.139.190
	80.540.723.850	46.169.317.088

30. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	9.511.977.816	10.737.568.205
Chi phí đại lý bán hàng	4.452.905.981	3.051.740.144
Chi phí xuất khẩu	2.116.985.136	2.852.450.705
Chi phí bán hàng khác	390.748.417	407.653.871
	16.472.617.350	17.049.412.925

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên (*)	(8.601.744.381)	30.420.709.751
Dự phòng phải thu khó đòi	(130.981.807)	3.494.539.915
Chi phí phân bổ trả trước	1.152.926.491	1.335.652.100
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.556.084.963	2.547.443.515
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.268.525.176	10.424.206.236
	7.244.810.442	48.222.551.517

(*) Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện hoàn nhập 15 tỷ VND chi phí lương liên quan đến năm hiện hành mà Công ty đã trích trước trong báo cáo tài chính cho năm 2021.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	784.588.567.040	781.269.630.144
Chi phí nhân công	92.527.105.203	133.536.894.446
Chi phí khấu hao và phân bổ	59.229.951.928	59.547.483.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.159.550.626	199.572.451.027
Chi phí khác	21.568.553.787	30.914.988.317

33. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	204.092.146	82.186.736.792
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	40.818.429	16.437.347.358
Chi phí không được khấu trừ thuế	143.406.808	70.055.978
Thu nhập không bị tính thuế	(2.078.723.000)	(500.000.000)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế (*)	1.253.368.406	-
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (**)	-	(3.226.934.256)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	641.129.357	-
	-	12.780.469.080

(*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2022 với số tiền là 6.267 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2027.

(**) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản lợi ích thuế trị giá 3.227 triệu VND từ việc sử dụng 16.135 triệu VND chi phí lãi vay không được khấu trừ của năm 2019 mang sang theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay năm 2019 và năm 2020 lần lượt là 2.110 triệu VND (sau khi đã sử dụng 16.135 triệu VND) và 18.180 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	253.185.000	30.667.020.370
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.000.000	29.671.104.270
Hoàn trả khoản vay	2.908.554.737	2.510.556.811
Chi phí lãi vay	4.549.957.195	4.549.957.195
Lãi phí cho khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.050.513.530	2.272.422.631
Công ty con		
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Cổ tức	141.810.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	43.896.276	47.673.900
Mua dịch vụ	10.528.070.721	12.149.223.639
Chi phí lãi vay	806.125.000	775.625.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Cổ tức	600.000.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.923.939.529	10.395.142.935
Mua hàng hóa	-	1.567.500
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Cổ tức	675.900.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	63.136.325.237	38.697.261.455
Mua hàng hóa	29.976.570.289	32.795.869.159
Thu nhập lãi trả chậm	106.776.151	80.732.591
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Cổ tức	1.082.565.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.230.738.359	2.941.309.555
Mua hàng hóa	5.386.350	38.265.637

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	633.600.000	-
Bán hàng hóa	1.246.332.366	1.376.026.495
Khoản cho vay	-	4.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	3.000.000.000	8.400.000.000
Thu nhập lãi vay	81.196.908	326.662.274
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	4.600.000.000	-
Nhận hỗ trợ	2.000.000.000	2.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	729.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	5.088.837.512	2.029.192.996
Mua hàng hóa	4.771.363.500	74.282.384
<i>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</i>		
Cổ tức	1.930.740.000	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	233.070.865.682	166.631.225.970
Mua hàng hóa	130.416.627.830	82.148.480.805
Thu nhập lãi trả chậm	2.143.533.261	3.853.974.131
Thu nhập khác (Rác thải công nghiệp)	56.100.000	-
<i>Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.536.492.525	-

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	60.000.000	58.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	36.000.000	32.000.000
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	12.000.000	24.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	24.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2022	2021
	VND	VND
Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Giám đốc		
<i>Lương thưởng</i>		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc (từ ngày 14/9/2022)	315.427.850	217.250.501
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc (đến ngày 1/9/2022)	287.233.480	257.725.329
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	36.980.000	23.425.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	326.134.198	236.155.482
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	36.980.000	23.425.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	226.464.979	187.172.229
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000	58.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	32.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	32.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	-	32.000.000

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản hỗ trợ phải thu	2.000.000.000	2.500.000.000
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	-	198.534.000
Lãi vay nhập gốc	913.128.741	847.971.573

3 T
 M H
 MC
 1/22

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

